

KẾ HOẠCH

Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2030

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2030, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ.

Huy động các nguồn lực của xã hội để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng. Tăng cường vai trò của nhà nước trong việc hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng.

Doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của mình. Nhà nước hỗ trợ, tạo lập môi trường pháp lý, tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng của doanh nghiệp.

2. Yêu cầu.

Công khai, minh bạch các chương trình hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng cho doanh nghiệp, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Lồng ghép nhiệm vụ nâng cao năng suất và chất lượng của các chương trình, đề tài, dự án do các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện liên quan đến nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất và chất

lượng sản phẩm, hàng hóa (gọi chung là năng suất chất lượng) trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, ứng dụng công nghệ thông tin, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, đẩy mạnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Đưa năng suất trở thành động lực phát triển quan trọng trong các ngành, lĩnh vực, thông qua việc ứng dụng các thành tựu mới của khoa học, công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất tiên tiến, kết hợp với nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phù hợp xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2021-2025

- Góp phần đạt mục tiêu tăng năng suất lao động bình quân của tỉnh đạt trên 11%/năm.

- Góp phần đạt mục tiêu đóng góp của Khoa học và Công nghệ thông qua TFP vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 50%.

- Tổ chức 05 lớp tập huấn, 05 hội nghị tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kiến thức về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp, cán bộ, công chức tại địa phương, sở, ngành.

- Hỗ trợ 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng và triển khai các dự án về cải tiến năng suất, thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia đạt giải.

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh:

+ Hỗ trợ 10 doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý; các công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

+ Hỗ trợ 10 tổ chức, doanh nghiệp, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh.

+ Hỗ trợ 10 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

+ Hỗ trợ 20 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá chứng nhận hợp chuẩn/ hợp quy.

2.2. Giai đoạn 2026-2030

- Góp phần đạt mục tiêu tăng năng suất lao động bình quân của tỉnh đạt trên 12,5%/năm.

- Góp phần đạt mục tiêu đóng góp của khoa học và công nghệ thông qua TFP vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 55%.

- Tổ chức 05 lớp tập huấn, 05 hội nghị tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kiến thức về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp, cán bộ, công chức tại địa phương, sở, ngành.

- Hỗ trợ 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng và triển khai các dự án về cải tiến năng suất, thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia đạt giải.

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh:

+ Hỗ trợ 10 doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý; các công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

- Hỗ trợ 05 tổ chức, doanh nghiệp, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh.

- Hỗ trợ 10 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

- Hỗ trợ 20 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá chứng nhận hợp chuẩn/ hợp quy.

3. Phạm vi, đối tượng

- Phạm vi: Các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đối tượng: Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh.

4. Nhiệm vụ và giải pháp

4.1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về năng suất chất lượng

Đẩy mạnh phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

Tổ chức, triển khai các hình thức thông tin truyền thông để phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng.

Tổ chức tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân và doanh nghiệp có nhiều đóng góp và đạt thành tích trong hoạt động năng suất, chất lượng. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Giải thưởng chất lượng quốc gia.

4.2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy năng suất chất lượng

Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách về tài chính của tỉnh hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp áp dụng thử nghiệm các tiến bộ công nghệ, hệ thống quản lý, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4.3. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh

Hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố.

Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá các yếu tố tác động nâng cao năng suất; đề xuất giải pháp nâng cao năng suất đối với một số ngành, lĩnh vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu triển khai chương trình đánh giá năng lực quản trị, quản lý năng suất, quản lý chuyển đổi số và quản lý đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

4.4. Đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về các giải pháp nâng cao năng suất, chuyển đổi số, sản xuất thông minh cho cán bộ, công chức các sở, ngành,

lãnh đạo, quản lý và người lao động của doanh nghiệp, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4.5. Nâng cao năng lực hoạt động

Tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm, hàng hóa.

Nghiên cứu, đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ trực tiếp hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

4.6. Đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về năng suất chất lượng

Tăng cường hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của các cơ quan Trung ương, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế để đẩy mạnh hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng của tỉnh.

Hướng dẫn doanh nghiệp tích cực tham gia các chương trình, dự án năng suất chất lượng của Trung ương và quốc tế.

Tổ chức tham quan, trao đổi về kinh nghiệm, kỹ thuật gia tăng năng suất, so sánh năng suất với các tỉnh, thành phố trong nước.

5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm ngân sách nhà nước, nguồn vốn của doanh nghiệp, các nguồn vốn lồng ghép các chương trình và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Kinh phí cụ thể: Hàng năm căn cứ vào nội dung kế hoạch, các đơn vị xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình HĐND, UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai có hiệu quả, nội dung, nhiệm vụ của kế hoạch này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia chương trình.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan truyền thông của tỉnh, các sở ngành chức năng và các tổ chức có liên quan, UBND các huyện, thành phố thông tin, tuyên truyền và vận động tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách trình cơ quan có thẩm quyền ban hành để hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm áp dụng tiến bộ công nghệ, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất mới, tiên tiến... và một số nội dung khác liên quan phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tế và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hướng dẫn các sở, ngành, các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch. Hàng năm, tổng hợp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ gửi Sở Tài chính thẩm định.

Chủ trì, phối hợp, đề xuất tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động thúc đẩy nâng cao năng suất chất lượng.

Đầu mối theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, các địa phương, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định. Chủ trì tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và tổng kết thực hiện Kế hoạch vào năm 2030.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các cơ quan có liên quan thẩm định dự toán, tham mưu đề xuất trình UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút dự án đầu tư có công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, có năng suất bền vững, chất lượng cao; quản lý tốt công nghệ các dự án đầu tư; hạn chế nhập khẩu, chuyên giao công nghệ, dự án đầu tư có công nghệ lạc hậu, năng suất chất lượng thấp.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P); thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh.

5. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin; tổ chức thông tin, tuyên truyền và phổ biến các kiến thức về năng suất, cải tiến năng suất, các kinh nghiệm điển hình cải tiến năng suất trên địa bàn tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở ngành liên quan hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, sản xuất thông minh.

6. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và các tổ chức liên quan

Tuyên truyền, vận động và đề xuất các tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý tham gia kế hoạch.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp; các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong kế hoạch, đồng thời phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thông tin,

tuyên truyền về nội dung và chính sách hỗ trợ của kế hoạch; cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý để cơ quan chủ trì xem xét, tổng hợp đề xuất.

Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

7. Các tổ chức, doanh nghiệp

Lập đề cương, dự toán triển khai thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp theo hướng dẫn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; cam kết thực hiện đúng các nội dung của kế hoạch.

Lồng ghép các hoạt động liên quan đến nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong doanh nghiệp để thực hiện kế hoạch.

Bảo đảm nguồn lực đã cam kết, phối hợp với nguồn kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện kế hoạch có hiệu quả. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2030, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp tổ chức thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c);
- Chủ tịch;
- Các PCT;
- CPVP;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị ;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Việt Văn

PHỤ LỤC 1

Các nhiệm vụ của Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

STT	Nội dung	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa	2022	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan
2	Tổ chức các chương trình, lớp tập huấn, hội nghị tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kiến thức về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp, cán bộ công chức tại địa phương, sở, ngành	2021-2030	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan
3	Nghiên cứu các yếu tố tác động nâng cao năng suất; đánh giá năng lực quản lý chuyên chuyên đổi số; áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất mới, dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2021-2025	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan
4	Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý; các mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh. Dịch vụ thông minh trong lĩnh vực chuyên ngành	2021-2030	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan
5	Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện đánh giá chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.	2021-2030	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan
6	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia GTCLQG đạt giải	2021-2030	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan
7	Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ; Hợp đồng chuyển giao công nghệ	2021-2025	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan
8	Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2021-2025	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan
9	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P); thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh	2021-2030	Sở NN&PTNT	Các đơn vị liên quan
10	Nhân rộng các mô hình cải tiến năng suất tại các cơ sở sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ áp dụng nền tảng số, công nghệ thông tin	2021-2030	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan

PHỤ LỤC 2

Dự toán kinh phí các nhiệm vụ của Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / / 2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

STT	Nội dung	Dự kiến kinh phí (Đvt: Triệu đồng)		Tổng kinh phí (Đvt: Triệu đồng)	Ghi chú
		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030		
1	Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa 10.000.000 đ/ cơ chế chính sách x 01 cơ chế chính sách	10		10	
2	Tổ chức các chương trình, lớp tập huấn hội nghị tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kiến thức về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp, cán bộ công chức tại địa phương, sở, ngành 30.000.000/hội nghị	(10 lớp) 300	(10 lớp) 300	600	
3	Nghiên cứu các yếu tố tác động nâng cao năng suất; đánh giá năng lực quản lý chuyển đổi số; áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất mới, dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh 150.000.000đ/ đề tài, nhiệm vụ	(05 Đề tài, nhiệm vụ) 750	(05 Đề tài, nhiệm vụ) 750	1.500	Các Đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ
4	Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý; các mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh. Dịch vụ thông minh trong lĩnh vực chuyên ngành 200.000.000đ/doanh nghiệp	(10 DN) 2.000	(10DN) 2.000	4.000	
5	Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở	(20DN) 2.400	(20DN) 2.400	4.800	

	120.000.000đ/doanh nghiệp				
6	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia GTCLQG đạt giải 10.500.000 đ/doanh nghiệp	(30DN) 315	(30 DN) 315	630	
7	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P); thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh 150.000.000 đ/doanh nghiệp	(10DN) 1.500	(05DN) 750	2.250	
8	Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ; Hợp đồng chuyển giao công nghệ 1.500.000.000/ năm	7.500		7.500	Theo NQ số 89/2019/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019
9	Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo . 1.000.000.000đ/ năm	5.000		5.000	Theo NQ số 18/2020/NQ-HĐND, ngày 14/12/2020
10	Nhân rộng các mô hình cải tiến năng suất tại các cơ sở sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ áp dụng nền tảng số, công nghệ thông tin 200.000.000 đ/ năm	1.000	1.000	2.000	
	Tổng cộng	20.775	7.515	28.290	
<i>Bảng chữ: Hai mươi tám tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng</i>					